TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH O TP. HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/DS-ST
Ngày: 10/5/2023
V/v: Kiện đòi nợ.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH O THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Khải
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông: Lê Huy Trọng. Ông Lưu Bá Ngọc: ông Lê Huy Trọng.
- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Anh Bích - Thư Ký Toà án nhân dân huyện Thanh O
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh O tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Thọ Thuận - Kiểm sát viên.
Ngày 10/05/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh O- TP.Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2023/TLST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2023 về việc "*Kiện đòi nợ*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số14/2023/QĐXX-ST ngày 04/4/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 07 ngày 18/4/2023 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn*: ông Nguyễn Văn Th, Sinh năm 1974**.**Trú tại: thôn Rùa Th, xã Thanh Th, huyện Thanh O, TP.Hà Nội.

+ ***Bị đơn:*** ông Trần Văn H, sinh năm 1986. Trú tại: thôn Rùa Th, xã Thanh Th, huyện Thanh O, TP.Hà Nội.
Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/12/2022 của nguyên đơn là ông NguyễnVăn Th trình bày: Ông Nguyễn Văn Thă và ông Trần Văn H có quen biết nhau do là người cùng địa phương. Năm 2017 ông H có vay của ông Th tiền để đầu tư kinh doanh cụ thể là: Ngày 04/9/2017 ông H có vay số tiền là 560.000.000đ. Ngày 30/10/2017 ông H vay số tiền là 240.000.000đ. Ngày 30/11/2017 ông H vay số tiền là 528.000.000đ, tất cả các lần vay ông H đều ký nhận vào giấy biên nhận vay tiền. Tổng số tiền cả 03 lần vay là 1.328.000.000đ. Sau khi vay tiền thì ông H có trả được số tiền là 110.000.000đ sau đó ông T đòi nhiều lần nhưng ông H không trả. Nay ông yêu cầu số tiền đã trả được đối trừ vào tiền gốc, còn phần lãi đề nghị tính theo quy định của pháp luật, thời hạn tính lãi kể từ ngày 20/12/2022.

Bị đơn: ông Trần Văn H trình bầy: Vào khoảng cuối năm 2016 tôi có vay anh Tsố tiền là 320.000.000đ, giữa tôi với anh Tcó thỏa thuận vay lãi từ 3.000đ đến 4.000đ/ngày/1 triệu. Cho đến ngày 4/8/2017 anh T có viết giấy biên nhận vay tiền với số tiền vay là 560.000.000đ và tôi đã ký nhận tiền vay. Do tôi không có tiền để trả cho đến ngày 30/10/2017 anh T tiếp tục viết giấy biên nhận vay tiền với số tiền vay là 240.000.000 và tôi đã ký nhận tại mục người vay tiền, cho đến ngày 30/11/2017 anh T tiếp tục viết giấy biên nhận vay tiền với số tiền vay là 528.000.000đ và tôi cũng đã ký nhận vay tiền. Về chứng cứ chứng minh việc vay nặng lãi tôi không có. Theo đơn kiện của anh T tổng cả 03 giấy vay là 1.328.000.000đ.

Năm 2019 tôi đã trả được số tiền là 110.000.000đ. Quan điểm của tôi là tôi đã ký nhận vay tiền thì tôi có trách nhiệm trả nợ nhưng cho tôi trả dần cụ thể như thế nào thì tôi cũng không khẳng định được.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn có quan điểm yêu cầu phía bị đơn phải trả nợ gốc là 1.218.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh O có quan điểm*:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về tài sản là tiền vay nợ, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh O.

Về thời hiệu khởi kiện: ngày 20/12/2022 nguyên đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án không có đương sự nào đề nghị áp dụng thời hiệu nên vụ án còn thời hiệu khởi kiện.

Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng.

Việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, hòa giải, việc cấp tống đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về quan điểm giải quyết đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Cụ thể buộc ông H phải trả cho ông T số nợ là 1.218.000.000đ. Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về tố tụng:

1.1 Tại phiên tòa nguyên đơn bị đơn có mặt theo quyết định hoãn phiên tòa và giáy triệu tập. Tòa án xét xử vụ kiện theo đúng quy định của pháp luật.

*1.2. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:*Đây là vụ án "*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*" theo Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

1.3. Về thời hiệu khởi kiện: ngày 20/12/2022 nguyên đơn khởi kiện,trong quá trình giải quyết, tại phiên tòa không có đương sự nào đề nghị áp dụng thời hiệu nên vụ án còn thời hiệu khởi kiện.

2. Về chứng cứ nội dung khởi kiện:

Phía nguyên đơn xuất trình 03 " Giấy biên nhận vay tiền" đều có nội dung ông Trần Văn Hoành vay tiền của ông Nguyễn Văn Thắng, các chữ ký tại phần người vay tiền ông Hoành đều công nhận đúng chữ ký của ông Hoành.

Do giấy vay không thể hiện thời hạn trả và lãi suất, tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất, ngày 29/11/2022 nguyên đơn có văn bản thông báo đòi tiền vay đối bị đơn căn cứ vào Điều 463; 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 cần áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ kiện.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 1.218.000đ, trong nội dung" Giấy biên nhận vay tiền" ngày 04/9/2017 có nội dung Tên tôi Trần Văn H, quê quán Rùa Th, Thanh Th, Thanh O, Hà Nội có vay của ông Nguyễn Văn Th, địa chỉ Rùa Th, Thanh Th, Thanh O, Hà Nội số tiền 560.000.000đ, lý do vay làm lò sơn, tương tự tại giấy biên nhận vay tiền 30/10/2017(âm lịch) có nội dung ông H vay của ông T số tiền là 240.000.000đ; Tại giấy biên nhận vay tiền ngày 30/11/2017(âm lịch) có nội dung ông H có vay của ông T số tiền là 528.000.000đ. Trong quá trình giải quyết ông H đều thừa nhận các chữ ký tại các giấy biên nhận vay tiền là của ông H nhưng ông H khai Vào khoảng cuối năm 2016 tôi có vay anh T số tiền là 320.000.000đ, giữa tôi với anh T có thỏa thuận vay lãi từ 3.000đ đến 4.000đ/ngày/1 triệu. Cho đến ngày 4/8/2017 anh T có viết giấy biên nhận vay tiền với số tiền vay là 560.000.000đ và tôi đã ký nhận tiền vay. Do tôi không có tiền để trả cho đến ngày 30/10/2017 anh T tiếp tục viết giấy biên nhận vay tiền với số tiền vay là 240.000.000 và tôi đã ký nhận tại mục người vay tiền, cho đến ngày 30/11/2017 anh T tiếp tục viết giấy biên nhận vay tiền với số tiền vay là 528.000.000đ và tôi cũng đã ký nhận vay tiền. Theo đơn kiện của anh T tổng cả 03 giấy vay là 1.328.000.000đ. Vào năm 2019 ông đã trả được ông T số tiền là 110.000.000đ. không nhớ ngày cụ thể. Về chứng cứ chứng minh việc ông T cho vay lãi nặng ông H không có bằng chứng nào. Quan điểm của tôi là tôi đã ký nhận vay tiền thì tôi có trách nhiệm trả nợ số còn lại là 1.218.000.000đ nhưng cho tôi trả dần cụ thể như thế nào thì tôi cũng không khẳng định được.

Xét cần buộc ông H phải trả cho ông T toàn bộ số nợ gốc được thể hiện tại các giấy biên nhận vay tiền ngày 04/9/2017; ngày 30/10/2017(âm lịch) ngày 30/11/2017(âm lịch) với số tiền là 1.328.000.000đ, đã trả 110.000.000đ, còn phải trả là 1.218.000.000đ (một tỷ, hai trăm mười tám triệu đồng) Tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu tính lãi suất xét cần đình chỉ đối với yêu cầu tính lãi suất.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì phía bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463; 466; 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.
2. Buộc ông Trần Văn H phải trả nợ cho ông Nguyễn Văn T tổng số tiền là 1.218.000.000đ (Một tỷ, hai trăm mười tám triệu đồng)
3. Đình chỉ yêu cầu tính lãi suất đối với khoản tiền cho vay là 1.218.00000đ của ông Nguyễn Văn T

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên mà bên phải thi hành án chưa thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án, nếu có thỏa thuận về lãi chậm trả thì tính theo thỏa thuận đó nhưng không được vượt quá mức lãi xuất quy định tại khoản 1, nếu không có thỏa thuận thì tính theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp Quyết định thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

3.Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Trần Văn H phải nộp 48.540.000đ (Bốn mươi tám triệu, năm trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả ông Nguyễn Văn T tiền tạm ứng án là 25.000.000đ(Hai mươi lăm triệu đồng) (thể hiện tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0054067 ngày 08/3/20230 của chi cục Thi hánh án dân sự huyện Thanh O.

4.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/5/2023).

Nơi nhận:
-Toà án nhân dân TP,Hà Nội;
-Các đương sự;
-VKS nhân dân huyện Thanh O;
-THA dân sự huyện Thanh O;
-Lưu:Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

PHẠM VĂN KHẢI